TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 628/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị H với anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hồ Thị Hồng Phướng.
2. Ông Mai Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Mt, huyện CB, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin xét xử mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1980, địa chỉ cư trú: Ấp Bình Phước, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Được sự đồng ý của 02 bên gia đình, vợ chồng anh chị đã kết hôn và có đăng ký kết hôn số: 26, quyển số 01 tại Uỷ ban nhân dân xã Mt, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, vào ngày 04/6/2015.

Thời gian đầu chung sống H phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng

không còn H phúc. Anh chị đã ly thân hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn Phúc, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 12/8/2017. Hiện 02 cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh P nhưng anh P vắng mặt không lý do. Tại bản tự khai ngày 04/7/2019 anh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H có kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc, mâu thuẫn không lớn. Anh không muốn ly hôn vì còn thương vợ, thương con, nhưng vợ vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn Phúc, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 12/8/2017. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị H, anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Phúc, giao cháu Y cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con và không cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P; giao con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 12/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu P, cháu Y; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân; Bản tự khai; Biên nhận chứng cứ…

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh P đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã Mt, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 26, quyển số 01, ngày 04/6/2015. Do đó, hôn nhân giữa chị H và P là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân hơn 01 năm, chị H và anh P đều có cuộc sống riêng. Thời gian ly thân là thời gian để các bên tự cảm nhận lại tình cảm của nhau, nhưng anh chị không cảm nhận được, không hàn gắn được quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh P vắng mặt, cho thấy anh P không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh P là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh P có 02 con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 12/8/2017, đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con. Anh P yêu cầu được nuôi cháu P, anh không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị H, anh P, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi các cháu, anh P không cùng chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P và cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị H không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Mỹ H ly hôn với anh Trần Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01, ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị H và anh P có hai con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 12/8/2017.

Giao con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Hoàng Ngọc Y, sinh ngày 12/8/2017 cho chị Phạm Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0001482 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hồng Phướng **Mai Minh Chánh** **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Mt, CB, Tiền Giang;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Thị Hồng Thi